

Bài 1
GIỚI THIỆU
Phương pháp và thiết kế nghiên cứu



Vũ Thành TỰ Anh
Trưởng Chính sách công và Quản lý Fulbright

Nội dung trình bày



- ❧ Giới thiệu khái quát về môn học
- ❧ Nghiên cứu khoa học – định tính và định lượng
- ❧ Bốn thành tố của thiết kế nghiên cứu
- ❧ Bốn chủ đề xuyên suốt của Phương pháp Nghiên cứu

Mục tiêu và nội dung của môn học



- ❧ Giúp học viên làm luận văn thạc sỹ:
 - ❧ *Nghiên cứu* chính sách (policy research)
 - ❧ *Phân tích* chính sách (policy analysis)
- ❧ **Phần 1:** Thiết kế nghiên cứu và lựa chọn phương pháp *nghiên cứu chính sách*
- ❧ **Phần 2:** Quy trình thực hiện một bài *phân tích chính sách*

Nghiên cứu khoa học



- ❧ **Mục đích là suy luận.** Từ chưa biết đến hiểu-biết
 - ❧ Suy luận *mô tả* (descriptive inference)
 - ❧ Suy luận *nhân quả* (causal inference)
- ❧ **Quy trình công khai.** Phương pháp/công cụ công khai, chuẩn hóa, và minh bạch mà người khác có thể kiểm chứng độ tin cậy
- ❧ **Kết luận không chắc chắn.** Đi đến những kết luận chắc chắn từ những dữ liệu bất định là bất khả thi
- ❧ **Tính khoa học nằm ở phương pháp và quy tắc suy luận,** chứ không nằm ở đề tài.

Nghiên cứu định tính và định lượng



- ❧ **Nghiên cứu định lượng** sử dụng **con số** và các phương pháp **thống kê** [tổng quát hóa-hệ thống-định lượng]
 - ❧ Đo lường có tính định lượng
 - ❧ Quy nạp từ một tập hợp các trường hợp ngẫu nhiên (mẫu)
 - ❧ Kiểm định các giả thuyết nhân quả
 - ❧ Thường dễ dàng lặp lại.
- ❧ **Nghiên cứu định tính** sử dụng **bằng chứng, lý thuyết, và lập luận** logic [biện luận-nhân sinh-định tính]
 - ❧ Không lệ thuộc các đại lượng đo lường bằng số
 - ❧ Diễn dịch từ một (số ít) trường hợp cụ thể (ví dụ như phỏng vấn sâu hay phân tích chi tiết tư liệu lịch sử)
 - ❧ Giải thích khái quát/toàn diện một sự kiện [qua đó kiểm định giả thuyết nhân quả]
 - ❧ Thường không dễ lặp lại.

Bốn thành tố của Thiết kế nghiên cứu



- ❧ **Thiết kế nghiên cứu:** Cách *đặt câu hỏi* và *thực hiện nghiên cứu* để đưa ra những *suy luận mô tả/nhân quả* có sự tin cậy (reliability), đúng đắn (validity), chắc chắn (certainty) và trung thực (honesty).
- ❧ **Bốn thành tố của thiết kế nghiên cứu:**
 - ❧ “Puzzle” và câu hỏi nghiên cứu
 - ❧ Lý thuyết
 - ❧ Dữ liệu
 - ❧ Sử dụng dữ liệu (kiểm định giả thuyết, đánh giá lý thuyết v.v.)

Ví dụ minh họa

“Minh oan cho Trương Vĩnh Ký”

❧ “Puzzle” và câu hỏi nghiên cứu:

- ❧ Có một sự đồng thuận cho rằng Petrus Ký đã tự bào chữa cho sự hợp tác với Pháp bằng câu “*sic vos non vobis*” thường được dịch là “ở với họ mà không theo họ”. Nhưng sự thật có phải vậy không?
- ❧ “*sic vos non vobis*” đúng nghĩa là gì?
- ❧ “*sic vos non vobis*” có được Trương Vĩnh Ký dùng như lời tự bào chữa?
- ❧ Lý do tại sao có câu dịch “Ở với họ mà không theo họ”?

❧ Lý thuyết

- ❧ Ngôn ngữ học
- ❧ Văn bản học

Ví dụ minh họa

“Minh oan cho Trương Vĩnh Ký”

❧ Dữ liệu

- ❧ *Thư tịch cổ*: Thơ của thi hào Virgil (La Mã, khoảng năm 41 B.C.) ca ngợi hoàng đế Caesar Augustus
- ❧ *Tu từ học và nghĩa bóng* của “*Sic Vos Non Vobis*”
- ❧ *Lần lại lịch sử* để tìm kiếm nguyên nhân có cách dịch phổ biến “ở với họ nhưng không theo họ” [Đặng Thúc Liên, Lê Thanh | Khổng Xuân Thu → Nguyễn Văn Trung → Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Đầu v.v.]
- ❧ *Lần lại lịch sử* để tìm kiếm thời gian và hoàn cảnh chính xác trong đó Petrus Ký đã dùng câu “*sic vos non vobis*”: Chỉ thấy một lần duy nhất trong lá thư Petrus Ký gửi cho Alexis Chavanne tháng 10 năm 1887
- ❧ *Lần lại các tài liệu gốc* (thư từ của Petrus Ký gửi bạn thân)

Ví dụ minh họa

“Minh oan cho Trương Vĩnh Ký”

❧ Sử dụng dữ liệu

- ❧ Cách dịch chính xác hơn: “*sic vos non vobis*” = “**như vậy ... các anh (chị) không phải cho mình**” (so you ... not for yourselves)
- ❧ Cách dịch chính xác câu Petrus Ký gởi cho Alexis Chavanne “... *Unum et unicum quaero, esse scilicet posse utilem, quamvis dicendum sit: Sic vos non vobis ... Haec est mea sors et consolation*” = “**Điều duy nhất mà tôi theo đuổi là làm sao thành có ích, tuy phải nói thêm rằng: (ích lợi đó) không phải cho tôi. Đó là số phận và là niềm an ủi của tôi**”

Ví dụ minh họa

“Minh oan cho Trương Vĩnh Ký”

❧ Sử dụng dữ liệu (tiếp)

- ❧ Để kiểm chứng câu dịch của Khổng Xuân Thu không đúng với ý của Petrus Ký, tác giả lần lại tài liệu gốc là những lá thư bằng tiếng Latin của Petrus Ký gửi cho hai bạn hữu Alexis Chavanne và Albert Kampfen
- ❧ Để kiểm định sự nhất quán trong quan điểm của Petrus Ký, tác giả lần lại các thư từ khác của Petrus Ký không trực tiếp liên quan đến câu “*sic vos non vobis*” (ví dụ như để thể hiện sự không đồng tình với lời khuyên “*Tổ quốc và nhất là nhân loại phải đi trước tất cả*” của Chavanne, Petrus Ký viết “*Thật tình thì ta phải sống theo cuộc đời đã định; ta chỉ có thể có ích cho chính chúng ta, cho những người tương tự, cho vạn vật trong thiên nhiên; và như vậy ta mới hoàn thành được trách nhiệm đầu tiên của cuộc đời.*”)

Ví dụ minh họa

“Minh oan cho Trương Vĩnh Ký”

❧ Sử dụng dữ liệu để kiểm định “giả thuyết” (tiếp)

❧ Lý do tại sao có câu dịch “Ở với họ mà không theo họ” – **Giả thuyết** về “mặc cảm Tôn Thọ Tường”: Tôn Thọ Tường đã tự bào chữa cho việc theo Pháp của mình với các bạn sĩ phu ngày xưa mà nay ở phía đối nghịch:

(1) Thân gái phải theo chồng, ông vì việc làm phải trung thành với chủ Pháp;

(2) Vì hoàn cảnh gia đình, ông phải theo Pháp, nhưng hứa sẽ không giúp ích gì cho Pháp.

Ví dụ minh họa

“Minh oan cho Trương Vĩnh Ký”

- ❧ **Sử dụng dữ liệu để đánh giá hậu quả của câu dịch “Ở với họ mà không theo họ”**
 - ❧ Biến Petrus Ký thành người có mặc cảm phạm tội phải tự bào chữa
 - ❧ Biến Petrus Ký thành “Quan Vân Trường” hay chế biến lịch sử
 - ❧ Biến Petrus Ký thành một người tự mâu thuẫn
- ❧ **Sử dụng dữ liệu để thực sự hiểu về tư tưởng của một nhân vật lịch sử**
 - ❧ Phương châm cuộc đời của Petrus Ký không có “Họ” mà chỉ có xã hội và con người với vai trò trong xã hội
 - ❧ Đối chiếu phương châm “làm tròn vai trò trong xã hội” với việc làm thực tế của Petrus Ký.

Vấn đề nghiên cứu



- ❧ Tìm vấn đề nghiên cứu ở đâu hay chọn đề tài phân tích chính sách như thế nào?
- ❧ Đề tài luận văn hay thường xuất phát từ những trăn trở và tâm huyết có tính cá nhân
- ❧ Một cách lý tưởng, nghiên cứu KHXH cần thỏa mãn hai tiêu chí.
 - ❧ Vấn đề “quan trọng” (đích đáng)
 - ❧ Có đóng góp mới (giá trị)

Làm thế nào để có “đóng góp”?



- ❧ Xác nhận hay bác bỏ một giả thuyết quan trọng mà chưa ai hoàn tất một nghiên cứu hệ thống
- ❧ Bác bỏ hay đưa ra một giả thuyết thay thế đối với một giả thuyết đã được chấp nhận phổ biến:
 - ❧ Petrus Trương Vĩnh Ký: “*sic vos non vobis*” “ở với họ mà không theo họ” sv. “*không phải cho tôi*”
- ❧ Trình bày bằng chứng sâu xa hơn cho một cuộc tranh luận
- ❧ Làm sáng tỏ hay đánh giá những giả định mà chưa được chất vấn trong kho tư liệu nghiên cứu
- ❧ Phát hiện một đề tài quan trọng đã bị bỏ qua, và thực hiện nghiên cứu có tính hệ thống cho lĩnh vực đó
- ❧ Sử dụng lý thuyết hay bằng chứng được thiết kế cho một mục đích nào đó cho một lĩnh vực khác

Cải thiện lý thuyết



- ❧ Hãy chọn những *lý thuyết có thể sai* (falsifiable): Bằng chứng nào sẽ thuyết phục rằng chúng ta sai?
- ❧ Để đảm bảo một lý thuyết có thể sai, hãy chọn một lý thuyết có khả năng tạo ra càng nhiều *biểu hiện có thể quan sát* càng tốt.
- ❧ Khi thiết kế lý thuyết, *càng cụ thể càng tốt*.

Cải thiện chất lượng dữ liệu



- ❧ Dữ liệu là những thông tin về thể giới – định tính hoặc định lượng - được thu thập một cách hệ thống
- ❧ Ghi chép và tường thuật quá trình tạo ra dữ liệu.
- ❧ Để đánh giá lý thuyết tốt hơn, hãy thu thập dữ liệu về càng nhiều biểu hiện có thể quan sát càng tốt.
- ❧ Tối đa hóa độ đúng đắn (validity) của các đại lượng đo lường.
- ❧ Đảm bảo các phương pháp thu thập dữ liệu là đáng tin cậy
- ❧ Một cách lý tưởng, mọi dữ liệu và phân tích nên có khả năng lặp lại

Cải thiện sử dụng dữ liệu hiện có



- ❧ Bất kỳ khi nào có thể, ta nên sử dụng dữ liệu để đưa ra những suy luận '*không thiên lệch*', nghĩa là sẽ đúng trên phương diện bình quân
 - ❧ Nên trù liệu vấn đề trước khi bắt đầu thu thập dữ liệu
- ❧ Cố gắng *tăng* '*hiệu suất*' thống kê: Tối đa hóa giá trị thông tin sử dụng để đưa ra các suy luận mô tả hay suy luận nhân quả

Các chủ đề xuyên suốt



- ❧ *Sử dụng các biểu hiện có thể quan sát để kết nối lý thuyết với dữ liệu (và ngược lại):* Các biểu hiện có thể quan sát của lý thuyết giúp định hướng quá trình thu thập dữ liệu và giúp phân biệt những dữ kiện phù hợp và không phù hợp
- ❧ *Tối đa hóa đòn bẩy:* Giải thích càng nhiều càng tốt bằng cách sử dụng càng ít dữ liệu càng tốt
- ❧ *Tường thuật về tính bất định*
- ❧ *Tư duy như một nhà khoa học xã hội:* Tinh thần hoài nghi và những giả thuyết cạnh tranh